TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 911 /2024/HS- PT
Ngày: 12/11/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Đoàn;

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Nam;

Ông Nguyễn Tiến Dũng.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Nhạn, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyến- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh L, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 706/2024/TLPT- HS ngày 25 tháng 6 năm 2024, do có kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 15 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh L.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Ngô Thị D; Sinh năm 1969 tại tỉnh L; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 14, Phường T, thành phố L_1, tỉnh L; Nghề nghiệp: Trưởng phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Ngô Sỹ P, sinh năm 1937 và bà Hoàng Thị M (đã chết); Chồng: La Vĩnh C, sinh năm 1968; Con: Có 01 con sinh năm 1993; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

2. Đỗ Lương B; Sinh năm 1983 tại tỉnh T_1; Nơi ĐKHKTT: Tổ 01, Phường Đ, thành phố L_1, tỉnh L; Chỗ ở trước khi bị bắt: Tổ 23, phường $Đ_1$, thành phố L_1, tỉnh L; Nghề nghiệp: Thanh tra viên - Thanh tra tỉnh L; Là đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam hiện đã bị khai trừ ra khỏi Đảng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ

Xuân B_1, sinh năm 1957 và bà Trần Thị L_2, sinh năm 1959; Vợ: Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1990; Con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 28/3/2023, tạm giam từ ngày 06/4/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh L cho đến nay (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị D: Ông Nguyễn Xuân O - Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh L.

Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Lương B: Bà Trần Thị Bích N - Luật sư Công ty Luật B_2 thuộc Đoàn Luật sư đoàn luật sư tỉnh L.

Ngoài ra trong vụ án còn có 14 (mười bốn) bị cáo không kháng cáo, không bị kháng nghị Toà không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 05/12/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 440/BNN-TCLN-m, đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh L chỉ đạo thanh tra toàn diện công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Ngày 19/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Công văn số 201/UBND-KTN và số 202/UBND-KTN về việc chỉ đạo Thanh tra tỉnh L tham mưu thanh tra công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Trên cơ sở đó, Thanh tra tỉnh L đã ban hành các Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh L, số 09/QĐ-TTr ngày 17/01/2023 thanh tra đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh L. Thành lập Đoàn thanh tra gồm: Ngô Thị D - Trưởng Phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L làm Trưởng đoàn cùng với các thành viên: Đỗ Lương B - Thư ký đoàn, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C_1 - đều là Thanh tra viên thuộc Thanh tra tỉnh, Lò Văn N_1 - Chuyên viên phòng Kế hoạch - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, Phạm Trọng T_2 - Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L. Các quyết định thanh tra do Nguyễn Thanh T_3, Chánh Thanh tra tỉnh L trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Sau khi công bố các quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra yêu cầu Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra để kiểm tra, đối chiếu và làm việc tập trung tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L. Ngô Thị D phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Đoàn thanh tra bằng miệng, yêu cầu các thành viên kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến nội dung thanh tra chuyển Đỗ Lương B thư ký đoàn kiểm tra tổng hợp chung. Trong quá trình thanh tra phát hiện hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện có sự chênh lệch lớn so với hóa

đơn mua vào của các đơn vị cung ứng. Biết được nội dung này nên ngày 16/02/2023, 06 người gồm: Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Lò Thanh T_4, Nguyễn Văn T_5 (lần lượt là Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện T_6, M_1, T_7, S, T_8, P_1) hẹn gặp nhau tại thành phố L_1, thống nhất cử Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2 đại diện các Ban đến gặp Ngô Thị D và Đỗ Lương B tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L để nói chuyện. Tại đây, Ngô Thị D, Đỗ Lương B đưa một số hóa đơn mua cây giống của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S để H_1, H_2 xem, nghiên cứu đối chiếu để đánh giá vi phạm. Nhận thấy hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đều có sự chênh lệch lớn so với hóa đơn mua vào của các đơn vị cung ứng nên Mai Hồng H_1 đặt vấn đề với Ngô Thị D về việc "cảm ơn" Lãnh đạo Thanh tra tỉnh và Đoàn thanh tra bằng tiền "từ ba con số trở lên" (tức số tiền trăm triệu đồng trở lên) để xin bỏ qua lỗi chênh lệch giá cây giống nhưng Ngô Thị D nói không quyết định được phải báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh nên bảo H_1 làm việc trực tiếp với B, đồng thời D chỉ đạo B gặp, làm việc với các Ban quản lý rừng. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, H_1 và H_2 đến gặp Đỗ Lương B tại nhà riêng nói chuyện, H_1 đề xuất "cảm ơn" từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nhưng B không đồng ý và cho biết làm việc với D như thế nào thì cứ thế thực hiện, B không có quyền quyết định nên H_1 đề xuất "cảm ơn" Đoàn thanh tra 300.000.000 đồng, Lãnh đạo Thanh tra tỉnh cũng như của Đoàn thanh tra (được hiểu là 300.000.000 đồng) thì được B gật đầu đồng ý. Còn Ngô Thị D sau đó gặp báo cáo với Nguyễn Thanh T_3 nội dung các Ban muốn gặp "cảm ơn" T_3 (nhưng không nói gì đến việc các Ban cảm ơn Đoàn thanh tra), được T_3 nói: Nếu giúp được mà không ảnh hưởng đến tỉnh thì tạo điều kiện cho các Ban nhưng phải có căn cứ và không được giấu số liệu. D báo cho B biết và chỉ đạo B trực tiếp làm việc với các Ban để nhận tiền của Đoàn thanh tra, còn của bị cáo T_3 cứ để các Ban trực tiếp gặp.

Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2 sau khi gặp Đỗ Lương B thì đến gặp Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Lò Thanh T_4, Nguyễn Văn T_5, cả nhóm bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp số tiền 600.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra với tỷ lệ đóng góp theo diện tích rừng trồng của từng Ban quản lý rừng các huyện. Mạch Thọ Q gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn H_4 - Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N_2 biết việc Đoàn thanh tra phát hiện chênh lệch về giá cây giống và đóng góp số tiền 600.000.000 đồng để xin Đoàn thanh tra bỏ qua lỗi vi phạm nhưng lúc này H_4 chưa đồng ý, còn Nguyễn Duy H_3 chưa quyết định được do còn liên quan đến các Trưởng Ban trước đây. Vì vậy, trong lần bàn bạc này các bị cáo chưa chốt được số tiền đóng góp của từng Ban để đưa hối lộ. Đến ngày 17/02/2023, Tống Văn H_2 tiếp tục gọi điện thông báo lại nội dung cho H_4 biết, H_4 đồng ý đóng góp 60.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra tỉnh nên H_3 nhắn tin thông báo cho H_1 biết. Sau đó H_2 ghi số tiền các Ban phải đóng góp ra tờ giấy rồi chụp gửi qua Zalo cho các Trưởng Ban, cụ thể: M_1 100.000.000

đồng, T_6 100.000.000 đồng, T_7 60.000.000 đồng, T_8 30.000.000 đồng, P_1 20.000.000 đồng, N_2 60.000.000 đồng, S 230.000.000 đồng. Tổng là 600.000.000 đồng.

Sau khi nhận được thông tin Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S phải đóng góp số tiền 230.000.000 đồng đưa cho Thanh tra tỉnh. Sáng ngày 20/02/2023, Nguyễn Duy H_3 hẹn gặp Lưu Anh V_1 là Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ N_3, S), Nguyễn Ngọc C_2 là Phó Trưởng phòng Nông nghiệp huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S) bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp tiền đưa hối lộ cho Thanh tra tỉnh xin bỏ qua lỗi vi phạm liên quan đến hóa đơn cây giống tại thời điểm V_1, C_2 là Trưởng Ban, V_1 và C_2 đồng ý mỗi người góp 70.000.000 đồng. Cùng ngày, V_1 chuyển khoản số tiền 29.000.000 đồng đến tài khoản của H_3 và đưa 41.000.000 đồng tiền mặt, C_2 chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Công V_2 để nhờ V_2 chuyển số tiền trên đến tài khoản của Nguyễn Duy H_3.

Chiều ngày 20/02/2023, Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Nguyễn Văn T_5 gặp nhau tại quán Caffe The Moon ở thành phố L_1 để góp tiền đưa cho Thanh tra tỉnh. Cụ thể: Mai Hồng H_1 góp 100.000.000 đồng, Tống Văn H_2 góp l00.000.000 đồng, Mạch Thọ Q góp 60.000.000 đồng, Nguyễn Duy H_3 góp 200.000.000 đồng (thiếu 30.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn T_5 góp 10.000.000 đồng (thiếu 10.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn H_4 không đến nên chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng nhờ Tống Văn H_2 góp hộ, Lò Thanh T_4 không đến nên chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng nhờ Mạch Thọ Q góp hộ. Tổng số tiền góp được là 560.000.000 đồng. Tống Văn H_2, Nguyễn Duy H_3 chia số tiền trên vào 02 túi, 01 túi nilon màu xanh do Ngân hàng VietinBank phát hành để số tiền 300.000.000 đồng; 01 túi vải màu đen để số tiền 260.000.000 đồng. Mai Hồng H_1 liên lạc qua điện thoại hẹn gặp Nguyễn Thanh T_3 rồi Nguyễn Duy H_3 dẫn Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T_5 đến gặp Nguyễn Thanh T_3 tại nhà riêng. Khi đến nơi, Nguyễn Duy H_3 không vào vì có việc, Tống Văn H_2 ngồi trên xe chờ nên đưa túi nilon màu xanh bên trong đựng số tiền 300.000.000 đồng để Nguyễn Văn T_5 cầm đi cùng với Mai Hồng H_1, Mạch Thọ Q vào nhà gặp Nguyễn Thanh T_3 ở phòng khách, H_1 giới thiệu đại diện ở Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đến nhờ xem xét trong quá trình thanh tra, rồi T_5 đặt túi đựng 300.000.000 đồng trên ghế đôn để cảm ơn T_3 rồi cả nhóm ra về. Sau đó, Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T_5 tiếp tục đến gặp Đỗ Lương B tại nhà riêng, tại đây H_1, H_2, Q, T_5 thông báo cho B biết mấy anh em vừa đến nhà T_3, H_1 cầm túi đựng số tiền 260.000.000 đồng đưa cho B và nói: Khó khăn quá nên không đủ số tiền như đã thống nhất, B cầm tiền và nói: Thôi khó khăn quá thì biết làm sao được, sau đó cả nhóm cùng nhau đi về.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T_3, Đỗ Lương B khi nhận tiền đều biết mục đích

các Ban đưa tiền để xin bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình thanh tra. Bị cáo B sau khi nhận tiền đã thông báo cho Ngô Thị D biết đã nhận 260.000.000 đồng và việc các Ban đã đến gặp T_3 trước khi đến gặp B đưa tiền. B, D thống nhất chia số tiền đã nhận cho thành viên trong Đoàn thanh tra, trong đó Vũ Thanh V, Lê Mạnh C_1, Lò Văn N_1 và Phạm Trọng T_2 mỗi người 25.000.000 đồng, còn lại D và B mỗi người 80.000.000 đồng. B trực tiếp chia số tiền 260.000.000 đồng như đã thống nhất với D và giữ lại phần của mình rồi cho các phần còn lại vào phong bì do ngành Bưu điện phát hành. Sáng ngày 21/02/2023, Đỗ Lương B cầm theo các phong bì đến Phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh lần lượt chuyển cho Vũ Thanh V, Lê Mạnh C_1, Lò Văn N1, Phạm Trọng T_2 mỗi người một phong bì bên trong đựng số tiền 25.000.000 đồng và nói riêng với từng người "quà của các Ban" (V, C_1, N_1, T_2 khi nhận tiền đều biết do các Ban đưa để xin bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình Thanh tra nhưng không biết cụ thể là bỏ qua lỗi gì và chỉ biết nhận phần tiền của mình, không biết được các thành viên khác trong Đoàn nhận được hay không). B tiếp tục để phong bì đựng số tiền 80.000.000 đồng trong ngăn kéo bàn làm việc của Ngô Thị D rồi báo cho D biết. Còn đối với Nguyễn Thanh T_3, sau khi nhận số tiền 300.000.000 đồng đã lấy 30.000.000 đồng chi tiêu cá nhân hết, còn lại 270.000.000 đồng đưa cho vợ là Nguyễn Thị Hải N_4 nhưng không nói cho N_4 biết về nguồn gốc số tiền do phạm tội mà có. Ngày 22/02/2023, N_4 nộp 270.000.000 đồng vào tài khoản của mình, sau đó chuyển vào tài khoản của bị cáo T_3 mở tại Ngân hàng BIDV chi nhánh tỉnh L để trả nợ khoản vay của gia đình.

Trong quá trình thanh tra, sau khi nhận tiền hối lộ, Đoàn thanh tra đã tham mưu cho Chánh thanh tra là bị cáo Nguyễn Thanh T_3 ký báo cáo mật ngày 07/3/2023 gửi Ủy ban nhân dân tỉnh và dự thảo báo cáo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Thường trực Tỉnh ủy nhưng đều không đề cập đến chênh lệch trong hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện. Đến ngày 23/3/2023, bị cáo Nguyễn Duy H_3 viết đơn tự thú về hành vi đưa hối lộ, nhận hối lộ của mình và các đồng phạm. Ngày 28/3/2023 đến ngày 29/3/2023 lần lượt các bị cáo Mạch Thọ Q, Vũ Thanh V, Phạm Trọng T_2, Tống Văn H_2, Đỗ Lương B, Lê Mạnh C_1, Lưu Anh V_1, Nguyễn Ngọc C_2 đến Cơ quan điều tra đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của mình cùng với các đồng phạm; các bị cáo còn lại lần lượt bị triệu tập, bắt giữ sau đó. Cơ quan điều tra đã khám xét, thu giữ các đồ vật, tài liệu, dữ liệu liên quan đến vụ án, trưng cầu giám định theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận giám định số 900/KL-KTHS ngày 14/9/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh L, kết luận:

"Khôi phục, trích xuất được dữ liệu danh bạ điện thoại, danh bạ trong ứng dụng Zalo, danh bạ trong ứng dụng Facebook; tin nhắn SMS, tin nhắn trong ứng dụng Zalo, tin nhắn trong ứng dụng Messenger, hình ảnh có trong các mẫu vật gửi giám định:

Tìm thấy 13.8 GB (14,876,203,221 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu VSmart, màu xám, kèm theo 01 sim Viettel.

Tìm thấy 7.76 GB (8,338,755,984 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO F9, màu xanh đen, kèm theo 02 sim Vinaphone.

Tìm thấy 12.7 GB (13,637,710,627 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy Note 10 Lite, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim Viettel.

Tìm thấy 17.5 GB (18,864,685,977 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu tím, kèm theo 01 sim Viettel.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone XsMax, màu vàng, kèm theo 01 sim VIETTEL, vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Tìm thấy 44.8 GB (48,156,941,786 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy M51, màu đen, kèm theo 01 sim Viettel.

Tìm thấy 144 KB (148,438 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 200 MB (210,342,629 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy A04, màu đen.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone 6s Plus, màu trắng, kèm theo 01 sim Viettel vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Không thực hiện khôi phục, trích xuất đối với điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, màu đen trắng, do điện thoại không lên nguồn. Tìm thấy 10.2 KB (10,500 bytes) dữ liệu trong 01 sim Viettel, 01 sim Vinaphone.

Không tiến hành trích xuất, khôi phục dữ liệu trong điện thoại Iphone XSMax, màu vàng đồng, kèm theo 01 sim Viettel vì trong quá trình giám định xảy ra sự cố chập, cháy nguồn, gây hỏng mẫu vật.

Tìm thấy 1.88 GB (2,023,058,071 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu xanh, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 206 MB (216,451,386 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6, màu vàng đồng.

Tìm thấy 3.52 GB (3,786,271,176 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy A31, màu trắng, kèm theo 01 sim Viettel.

Tìm thấy 1.12 GB (1,210,413,962 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro Max, màu trắng, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 893 MB (937,409,433 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động

nhãn hiệu OPPO A55, màu đen, kèm theo 01 sim Vinaphone.

Tìm thấy 4.25 GB (4,573,680,513 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy Note 10, màu trắng, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim Viettel.

Tìm thấy 8.29 GB (8,909,303,333 bytes) dữ liệu trong điện thoại di động nhãn hiệu SamSung Galaxy M33, màu xanh, kèm theo 01 sim Vinaphone, 01 sim Viettel.

Dữ liệu điện tử tìm thấy trong các điện thoại gửi giám định được nén trong tệp tin có tên: "Du lieu.rar", dung lượng 114 GB (123,104,058,195 bytes), có mã MD5 là: B71F49FB582BDA2714303A8F81E3E5E3 và mã SHA-1 là: 68519E6E12 171B8F1EC54ED828495146D30B0A53".

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/ HS- ST ngày 15/5/2024 của Toà án nhân dân tỉnh L đã quyết định;

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B. Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Thị D;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B phạm tội "Nhận hối lộ".

2. Về hình phạt:

2.1. Xử phạt bị cáo Ngô Thị D 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2.2. Xử phạt bị cáo Đỗ Lương B 07 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

Ngoài ra bản án còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với 14 (mười bốn) bị cáo, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của người kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 22/5/2024 các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B giữ nguyên nội dung kháng cáo đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tôi như Toà án cấp sơ thẩm đã quy kết, không khiếu nại gì về các quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng.

Bị cáo Đỗ Lương B đã tác động để gia đình (bà Đỗ Thi Hương C_3 nộp thay) số tiền 50.200.000đ, bị cáo Ngô Thị D đã tác động để gia đình (bà Nguyễn Thị Thu H_5 nộp thay) số tiền 50.200.000đ (bao gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm).

Các bị cáo đều ăn năn hối cải về hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện,

hoàn cảnh gia đình các bị cáo đều rất khó khăn nên đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận kháng cáo, giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B đều đề nghị HĐXX xem xét tại phiên toà phúc thẩm các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, đồng thời tác động để gia đình nộp tiền phạt bổ sung, án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của bản án sơ thẩm. Các bị cáo đều chưa bị kết án, chưa bị xử lý hành chính, trong quá trình công tác được tặng thưởng nhiều bằng khen, giấy khen và có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Trong vụ án này mỗi bị cáo chỉ được nhận số tiền 80.000.000đ, quá trình giải quyết vụ án đã nộp toàn bộ số tiền đã nhận hối lộ.

Do vậy đề nghị HĐXX phúc thẩm xem xét chấp nhận nội dung kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo để các bị cáo sớm được trở về cùng gia đình và xã hội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của các bị cáo tại phiên toà phúc thẩm thấy rằng:

Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luận định, đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 45/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh L đã quyết định về tội danh và áp dụng điều luật để quyết định hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ đúng người đúng tội.

Xét kháng cáo của các bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, hậu quả các bị cáo gây ra là rất lớn. Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định về phần hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất hậu quả do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra.

Tại phiên toà phúc thẩm, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải đồng thời đã xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo Đỗ Lương B đã tác động để gia đình (bà Đỗ Thị Hương C_3 nộp thay) số tiền 50.200.000đ, bị cáo Ngô Thị D đã tác động để gia đình (bà Nguyễn Thị Thu H_5 nộp thay) số tiền 50.200.000đ (bao gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm). Đây là tình tiết giảm nhẹ mới của các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật. Đề nghị HĐXX phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B được coi là hợp lệ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận để xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B, HĐXX phúc thẩm thấy rằng:

Về tội danh và hình phạt:

Ngày 05/12/2022, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Công văn số 440/BNN-TCLN-m đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh L chỉ đạo thanh tra toàn diện công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Ngày 19/12/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Công văn số 201/UBND-KTN và số 202/UBND-KTN về việc chỉ đạo Thanh tra tỉnh L tham mưu thanh tra công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2015 - 2021. Trên cơ sở đó, Thanh tra tỉnh L đã ban hành các Quyết định số 01/QĐ-TTr ngày 03/01/2023 thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh L, số 09/QĐ-TTr ngày 17/01/2023 thanh tra đột xuất việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh L. Thành lập Đoàn thanh tra gồm: Ngô Thị D - Trưởng Phòng thanh tra giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L làm Trưởng đoàn cùng với các thành viên: Đỗ Lương B - Thư ký đoàn, Vũ Thanh V, Lê Mạnh C_1 - đều là Thanh tra viên thuộc Thanh tra tỉnh, Lò Văn N_1 - Chuyên viên phòng Kế hoạch - Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh, Phạm Trọng T_2 - Viên chức Văn phòng đăng ký đất đai - Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh L. Các quyết định thanh tra do Nguyễn Thanh T_3, Chánh Thanh tra tỉnh L trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo.

Sau khi công bố các quyết định thanh tra, Đoàn thanh tra yêu cầu Ban quản

lý rừng phòng hộ các huyện bàn giao hồ sơ, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra để kiểm tra, đối chiếu và làm việc tập trung tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L. Ngô Thị D phân công nhiệm vụ cho từng thành viên trong Đoàn thanh tra bằng miệng, yêu cầu các thành viên kiểm tra, đối chiếu số liệu liên quan đến nội dung thanh tra chuyển Đỗ Lương B thư ký đoàn kiểm tra tổng hợp chung. Trong quá trình thanh tra phát hiện hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện có sự chênh lệch lớn so với hóa đơn mua vào của các đơn vị cung ứng. Biết được nội dung này nên ngày 16/02/2023, 06 người gồm: Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Lò Thanh T_4, Nguyễn Văn T_5 (lần lượt là Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện T_6, M_1, T_7, S, T_8, P_1) hẹn gặp nhau tại thành phố L_1, thống nhất cử Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2 đại diện các Ban đến gặp Ngô Thị D và Đỗ Lương B tại Phòng thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo 1 - Thanh tra tỉnh L để nói chuyện. Tại đây, Ngô Thị D, Đỗ Lương B đưa một số hóa đơn mua cây giống của Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S để H_1, H_2 xem, nghiên cứu đối chiếu để đánh giá vi phạm. Nhận thấy hóa đơn mua cây giống tại Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đều có sự chênh lệch lớn so với hóa đơn mua vào của các đơn vị cung ứng nên Mai Hồng H_1 đặt vấn đề với Ngô Thị D về việc "cảm ơn" Lãnh đạo Thanh tra tỉnh và Đoàn thanh tra bằng tiền "từ ba con số trở lên" (tức số tiền trăm triệu đồng trở lên) để xin bỏ qua lỗi chênh lệch giá cây giống nhưng Ngô Thị D nói không quyết định được phải báo cáo Chánh Thanh tra tỉnh nên bảo H_1 làm việc trực tiếp với B, đồng thời D chỉ đạo B gặp, làm việc với các Ban quản lý rừng. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, H_1 và H_2 đến gặp Đỗ Lương B tại nhà riêng nói chuyện, H_1 đề xuất "cảm ơn" từ 100.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng nhưng B không đồng ý và cho biết làm việc với D như thế nào thì cứ thế thực hiện, B không có quyền quyết định nên H_1 đề xuất "cảm ơn" Đoàn thanh tra 300.000.000 đồng, Lãnh đạo Thanh tra tỉnh cũng như của Đoàn thanh tra (được hiểu là 300.000.000 đồng) thì được B gật đầu đồng ý. Còn Ngô Thị D sau đó gặp báo cáo với Nguyễn Thanh T_3 nội dung các Ban muốn gặp "cảm ơn" T_3 (nhưng không nói gì đến việc các Ban cảm ơn Đoàn thanh tra), được T_5 nói: Nếu giúp được mà không ảnh hưởng đến tỉnh thì tạo điều kiện cho các Ban nhưng phải có căn cứ và không được giấu số liệu. D báo cho Bằng biết và chỉ đạo B trực tiếp làm việc với các Ban để nhận tiền của Đoàn thanh tra, còn của bị cáo T_3 cứ để các Ban trực tiếp gặp.

Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2 sau khi gặp Đỗ Lương B thì đến gặp Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Lò Thanh T_4, Nguyễn Văn T_5, cả nhóm bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp số tiền 600.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra với tỷ

lệ đóng góp theo diện tích rừng trồng của từng Ban quản lý rừng các huyện. Mạch Thọ Q gọi điện thông báo cho Nguyễn Văn H_4 - Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện N_2 biết việc Đoàn thanh tra phát hiện chênh lệch về giá cây giống và đóng góp số tiền 600.000.000 đồng để xin Đoàn thanh tra bỏ qua lỗi vi phạm nhưng lúc này H_4 chưa đồng ý, còn Nguyễn Duy H_3 chưa quyết định được do còn liên quan đến các Trưởng Ban trước đây. Vì vậy, trong lần bàn bạc này các bị cáo chưa chốt được số tiền đóng góp của từng Ban để đưa hối lộ. Đến ngày 17/02/2023, Tống Văn H_2 tiếp tục gọi điện thông báo lại nội dung cho H_4 biết, H_4 đồng ý đóng góp 60.000.000 đồng để đưa cho Thanh tra tỉnh nên H_2 nhắn tin thông báo cho H_1 biết. Sau đó H_2 ghi số tiền các Ban phải đóng góp ra tờ giấy rồi chụp gửi qua Zalo cho các Trưởng Ban, cụ thể: M_1 100.000.000 đồng, T_6 100.000.000 đồng, T_7 60.000.000 đồng, T_8 30.000.000 đồng, P_1 20.000.000 đồng, N_2 60.000.000 đồng, S 230.000.000 đồng. Tổng là 600.000.000 đồng.

Sau khi nhận được thông tin Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S phải đóng góp số tiền 230.000.000 đồng đưa cho Thanh tra tỉnh. Sáng ngày 20/02/2023, Nguyễn Duy H_3 hẹn gặp Lưu Anh V_1 là Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ N_3, S), Nguyễn Ngọc C_2 là Phó Trưởng phòng Nông nghiệp huyện S (nguyên Trưởng Ban quản lý rừng phòng hộ huyện S) bàn bạc, thống nhất cùng nhau đóng góp tiền đưa hối lộ cho Thanh tra tỉnh xin bỏ qua lỗi vi phạm liên quan đến hóa đơn cây giống tại thời điểm V_1, C_2 là Trưởng Ban, V_1 và C_2 đồng ý mỗi người góp 70.000.000 đồng. Cùng ngày, V_1 chuyển khoản số tiền 29.000.000 đồng đến tài khoản của H_3 và đưa 41.000.000 đồng tiền mặt, C_2 chuyển khoản số tiền 70.000.000 đồng đến tài khoản của Nguyễn Công V để nhờ V chuyển số tiền trên đến tài khoản của Nguyễn Duy H_3.

Chiều ngày 20/02/2023, Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Duy H_3, Nguyễn Văn T_5 gặp nhau tại quán Caffe The Moon ở thành phố L_1 để góp tiền đưa cho Thanh tra tỉnh. Cụ thể: Mai Hồng H_1 góp 100.000.000 đồng, Tống Văn H_2 góp l00.000.000 đồng, Mạch Thọ Q góp 60.000.000 đồng, Nguyễn Duy H_3 góp 200.000.000 đồng (thiếu 30.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn T_5 góp 10.000.000 đồng (thiếu 10.000.000 đồng theo thỏa thuận trước đó), Nguyễn Văn H_4 không đến nên chuyển khoản số tiền 60.000.000 đồng nhờ Tống Văn H_2 góp hộ, Lò Thanh T_4 không đến nên chuyển khoản số tiền 30.000.000 đồng nhờ Mạch Thọ Q góp hộ. Tổng số tiền góp được là 560.000.000 đồng. Tống Văn H_2, Nguyễn Duy H_3 chia số tiền trên vào 02 túi, 01 túi nilon màu xanh do Ngân hàng VietinBank phát hành để số tiền

300.000.000 đồng; 01 túi vải màu đen để số tiền 260.000.000 đồng. Mai Hồng H_1 liên lạc qua điện thoại hẹn gặp Nguyễn Thanh T_3 rồi Nguyễn Duy H_3 dẫn Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T_5 đến gặp Nguyễn Thanh T_3 tại nhà riêng. Khi đến nơi, Nguyễn Duy H_3 không vào vì có việc, Tống Văn H_2 ngồi trên xe chờ nên đưa túi nilon màu xanh bên trong đựng số tiền 300.000.000 đồng để Nguyễn Văn T_5 cầm đi cùng với Mai Hồng H_1, Mạch Thọ Q vào nhà gặp Nguyễn Thanh T_3 ở phòng khách, H_1 giới thiệu đại diện ở Ban quản lý rừng phòng hộ các huyện đến nhờ xem xét trong quá trình thanh tra, rồi T_5 đặt túi đựng 300.000.000 đồng trên ghế đôn để cảm ơn T_3 rồi cả nhóm ra về. Sau đó, Mai Hồng H_1, Tống Văn H_2, Mạch Thọ Q, Nguyễn Văn T_5 tiếp tục đến gặp Đỗ Lương B tại nhà riêng, tại đây H_1, H_2, Q, T_5 thông báo cho B biết mấy anh em vừa đến nhà T_3, H_1 cầm túi đựng số tiền 260.000.000 đồng đưa cho B và nói: Khó khăn quá nên không đủ số tiền như đã thống nhất, B cầm tiền và nói: Thôi khó khăn quá thì biết làm sao được, sau đó cả nhóm cùng nhau đi về.

Các bị cáo Nguyễn Thanh T_3, Đỗ Lương B khi nhận tiền đều biết mục đích các Ban đưa tiền để xin bỏ qua lỗi vi phạm trong quá trình thanh tra. Bị cáo B sau khi nhận tiền đã thông báo cho Ngô Thị D biết đã nhận 260.000.000 đồng và việc các Ban đã đến gặp T_3 trước khi đến gặp B đưa tiền. B, D thống nhất chia số tiền đã nhận cho thành viên trong Đoàn thanh tra, trong đó Vũ Thanh V, Lê Mạnh C_1, Lò Văn N_1 và Phạm Trọng T_2 mỗi người 25.000.000 đồng, còn lại D và B mỗi người 80.000.000 đồng. B trực tiếp chia số tiền 260.000.000 đồng như đã thống nhất với D và giữ lại phần của mình rồi cho các phần còn lại vào phong bì do ngành Bưu điện phát hành.

Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B và bị cáo Nguyễn Thanh T_3 là những người có chức vụ quyền hạn, đã lợi dụng chức vụ quyền hạn trực tiếp nhận tổng số tiền 560.000.000 đồng để bỏ qua vi phạm khi thực hiện các quyết định thanh tra đột xuất công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, công tác trồng rừng trên địa bàn tỉnh L.

Hành vi nêu trên của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động bình thường, đúng đắn của cơ quan Nhà nước, cụ thể là hoạt động thanh tra của Thanh tra tỉnh L, làm mất uy tín, giảm niềm tin của nhân dân đối với cơ quan Nhà nước.

Do đó, Toà án cấp sơ thẩm đã quy kết các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B phạm tội "Nhận hối lộ" theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 354 Bộ luật hình sự là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Về hình phạt: Toà án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B. Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Thị D; Xử phạt bị cáo Ngô Thị D 07 năm 03 tháng tù, bị cáo Đỗ Lương B 07 năm tù là phù hợp với tính chất hậu quả, vai trò của từng bị cáo trong vụ án.

Tại phiên Toà phúc thẩm: Các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội và tỏ ra ăn năn hối cải đồng thời đã xuất trình tài liệu thể hiện bị cáo Đỗ Lương B đã tác động để gia đình (bà Đỗ Thị Hương C_3 nộp thay) số tiền 50.200.000đ, bị cáo Ngô Thị D đã tác động để gia đình (bà Nguyễn Thị Thu H_5 nộp thay) số tiền 50.200.000đ (bao gồm tiền án phí hình sự sơ thẩm và tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm). Đây là tình tiết giảm nhẹ mới của các bị cáo được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS.

Trong tổng số tiền các bị cáo đã nhận hối lộ, bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương mỗi bị cáo chỉ nhận được số tiền là 80.000.000đ (số tiền này các bị cáo đã nộp toàn bộ để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS. Ngoài lần phạm tội này các bị cáo đều chưa bị kết án về tội danh nào khác, chưa bị xử lý hành chính. Các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B không phải là người quyết định việc có bỏ qua sai phạm của những người, cơ quan có sai phạm. Trong tổng số tiền nhận hối lộ, các bị cáo là người giúp sức để bị cáo Nguyễn Thành T_3 nhận 300.000.000đ. Trong quan hệ công tác các bị cáo đều là người lệ thuộc giữa cấp trên và cấp dưới.

Từ những phân tích nêu trên, để thể hiện tính nhân đạo của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu, thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, đã nộp lại toàn bộ số tiền nhận hối lộ và đã chấp hành xong hình phạt bổ sung (phạt tiền) theo quyết định của bản án sơ thẩm. Do vậy, HĐXX phúc thẩm xét thấy cần chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo. Tuy nhiên, cũng cần cần nhắc xem xét khi quyết định mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà mỗi bị cáo đã thực hiện.

[3] Về án phí hình sự phúc thẩm: Kháng cáo của các bị cáo được chấp nhận nên các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

1. Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B, sửa phần hình phạt tại Bản án hình sự sơ thẩm số 45/2024/HS-ST ngày 15/5/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh L, đối với các bị cáo Ngô Thị D và Đỗ Lương B như sau:

Căn cứ điểm a khoản 3, khoản 5 Điều 354, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54, Điều 17, Điều 38, Điều 58 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B. Căn cứ thêm điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Thị D.

1.1. Tuyên bố: Các bị cáo Ngô Thị D, Đỗ Lương B phạm tội "Nhận hối lộ".

1.2. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị D 06 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

- Xử phạt bị cáo Đỗ Lương B 05 (năm) năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/3/2023.

2. Về biên pháp tư pháp: Xác nhận các bị cáo Đỗ Lương B và Ngô Thị D đã chấp hành xong hình phạt bổ sung số tiền 50.000.000đ, theo biên lai thu tiền số 0000078 ngày 17/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L và Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 20/GXN-CTHADS ngày 24/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

3. Về án phí hình sự:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Xác nhận các bị cáo Đỗ Lương B và Ngô Thị D đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 0000078 ngày 17/5/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh L và Giấy xác nhận kết quả thi hành án số 20/GXN-CTHADS ngày 24/7/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh L.

- Án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đỗ Lương B và Ngô Thị D không phải nộp.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND tỉnh L;
- VKSND tỉnh L;
- Công an tỉnh L;
- Cục THADS tỉnh L;
- Các bị cáo (qua Trại);
- Lưu HSVA, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Trọng Đoàn